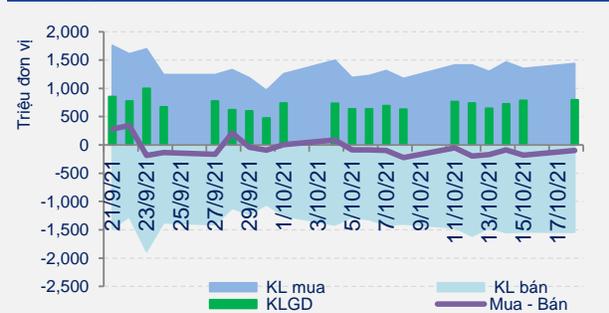


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,395.53	384.88
% Thay đổi	↑ 0.20%	↑ 0.01%
KLGD (CP)	795,914,692	124,362,714
GTGD (tỷ đồng)	23,652.28	2,817.57
Tổng cung (CP)	1,539,488,900	189,785,800
Tổng cầu (CP)	1,439,369,200	169,108,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,177,692	1,302,100
KL mua (CP)	30,143,492	819,850
GT mua (tỷ đồng)	1,207.55	29.09
GT bán (tỷ đồng)	1,815.81	34.84
GT ròng (tỷ đồng)	(608.26)	(5.75)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.27%	24.9	4.0	1.6%
Công nghiệp	↑ 0.51%	19.9	3.0	11.7%
Dầu khí	↑ 2.00%	18.0	2.0	4.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.01%	-	4.9	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.06%	17.8	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.23%	21.3	4.2	7.1%
Ngân hàng	↓ -0.05%	11.5	2.1	15.0%
Nguyên vật liệu	↓ -0.09%	14.3	3.0	20.6%
Tài chính	↑ 0.24%	18.3	3.2	31.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.80%	17.4	3.1	3.4%
VN - Index	↑ 0.20%	17.1	2.8	
HNX - Index	↑ 0.01%	22.5	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng nhẹ phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index tăng 2,83 điểm (+0,2%) lên 1.395,53 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 210 mã tăng, 38 mã tham chiếu, 246 mã giảm. HNX-Index tăng 0,04 điểm (+0,01%) lên 384,88 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 139 mã tăng, 52 mã tham chiếu, 106 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 886 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 25.220 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay và đã có hai lần vượt lên trên ngưỡng 1.400 điểm; tuy nhiên, áp lực bán gia tăng sau đó khiến mức tăng bị thu hẹp đáng kể. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc rổ VN30 có 16 mã tăng, 12 mã giảm và 2 mã đứng giá. GAS (+4%) dẫn đầu đà tăng trong phiên hôm nay, tiếp theo là PDR (+3%) và VPB (+2,4%). Sau đó là PLX (+1,5%), MSN (+1,4%), HPG (+1%), KDH (+1%), TPB (+1%), VRE (+1%) là những mã tăng từ 1% trở lên. Ở chiều ngược lại, SAB (-1,7%), PNJ (-1,5%), CTG (-1,5%), MWG (-1,3%) giảm trên 1%, các mã còn lại của nhóm này đều giảm nhẹ dưới ngưỡng tham chiếu. Phiên đầu tuần đánh dấu sự phục hồi của nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán khi hầu hết các mã của nhóm này đều tăng giá. APS (+9,7%) và VIX (+7%) tăng kịch trần, VDS (+4,3%), BSI (+3,8%), VND (+3,1%), VCI (+3%), EVS (+2,8%), CTS (+2,5%), VIG (+2,2%), BVS (+2,1%)... đều tăng mạnh. Ở ngành vật liệu xây dựng, phần lớn các cổ phiếu đều có mức tăng tốt như HPG (+1%), NKG (+1,7%), HSG (+0,2%)... thậm chí tăng mạnh như GKM (+9,9%), VGS (+5,2%), YBM (+4,4%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn chưa thể vượt qua được ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm. Đây là đã phiên thứ năm liên tiếp mà chỉ số VN-Index thất bại trước ngưỡng 1.400 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra về cuối phiên hôm nay là tương đối mạnh. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với hơn 600 tỷ đồng trên hai sàn cũng tạo nên áp lực lên thị trường. Tuy nhiên, trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên cơ hội để tiếp tục đi lên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm là vẫn còn nếu lực cầu mạnh hơn xuất hiện. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/10, VN-Index có thể tiếp tục tăng điểm để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.402,63 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.390,88 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 2,83 điểm (+0,2%) lên 1.395,53 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS tăng 4.500 đồng, VPB tăng 900 đồng, HPG tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG giảm 450 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 384,88 điểm. Có thời điểm chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 384,33 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,04 điểm (+0,01%) lên 384,88 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS tăng 800 đồng, DTK tăng 500 đồng, IDJ tăng 3.600 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 7.100 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 606,95 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,9 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 184,4 tỷ đồng tương ứng với 3,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 93,4 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 80,9 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,73 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 482 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,9 tỷ đồng tương ứng với 401 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 5,3 tỷ đồng tương ứng với 139 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 16 tỷ đồng tương ứng với 350 nghìn cổ phiếu.

TIN TINH TẾ VĨ MÔ

VESS dự báo GDP Việt Nam 2021 có thể đạt 0,2-1,8%

Ở kịch bản tích cực, GDP năm nay được dự báo tăng 1,8% và 0,2% ở kịch bản xấu hơn. Chuyên gia khuyến nghị Chính phủ nên đưa ra các gói tài khóa tập trung vào củng cố hạ tầng, trang thiết bị ngành y tế và lực lượng y bác sĩ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với diễn biến phiên hôm nay thì có thể thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co trong vùng giá hiện tại.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Với phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp nhưng VN-Index vẫn chưa thể đóng cửa trên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm cho thấy áp lực chốt lời ở vùng giá này vẫn là khá mạnh đã khiến chỉ số thoái lui sau đó. Tuy nhiên, một khi chỉ số vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm thì vẫn có thể kỳ vọng lực cầu quay trở lại sẽ giúp chỉ số này hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.a

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/10, VN-Index có thể tiếp tục tăng điểm để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

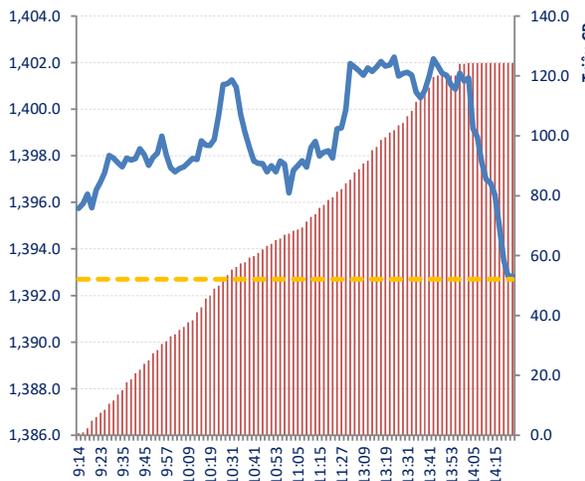
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,05 - 57,75 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 1 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 18/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.160 VND/USD, tăng 1 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

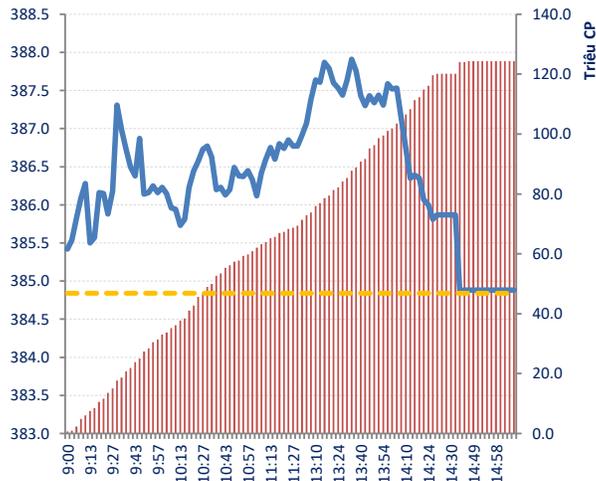
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,6 USD/ounce tương ứng với 0,32% lên 1.762,7 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,159 điểm tương ứng 0,17% lên 94,097 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1586 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3725 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,33 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,02 USD/thùng tương ứng với 1,25% lên 82,75 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/10, Dow Jones tăng 382,2 điểm tương đương 1,09% xuống 35.294,76 điểm. Nasdaq tăng 73,91 điểm tương đương 0,5% lên 14.897,34 điểm. Nasdaq Composite tăng 33,11 điểm tương đương 0,75% lên 4.471,37 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



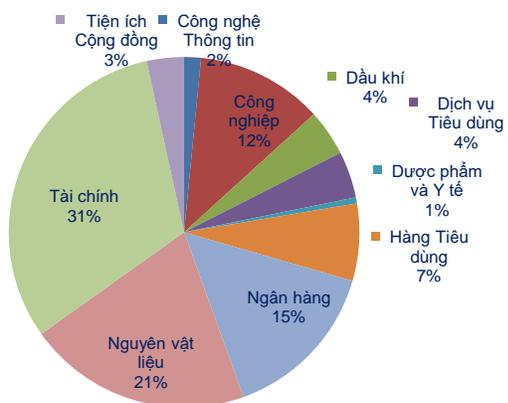
KLGD và HNX-Index trong phiên



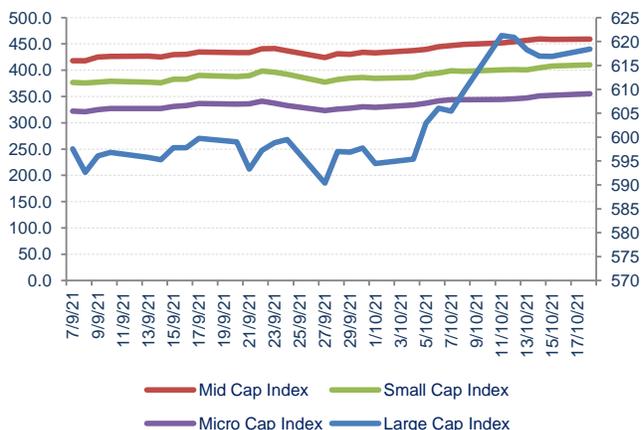
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,994,500	HPG	3,176,300
2	FUESSVFL	1,730,000	SSI	2,287,700
3	HDB	722,700	CTG	2,050,800
4	PVD	676,600	GMD	1,560,100
5	HAH	673,700	KBC	1,534,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	349,600	PVS	401,000
2	CEO	70,000	TNG	157,600
3	NDN	53,400	TC6	146,000
4	BII	34,800	SHS	139,000
5	PSD	32,000	PSW	62,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	12.00	11.60	↓ -3.33%	27,271,800
HPG	57.30	57.90	↑ 1.05%	21,470,900
FIT	12.25	13.10	↑ 6.94%	21,166,400
TDH	11.45	10.70	↓ -6.55%	19,054,600
HQC	4.11	4.12	↑ 0.24%	18,526,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.70	29.50	↑ 2.79%	16,869,879
TVC	17.40	16.90	↓ -2.87%	6,583,247
SHS	37.90	38.20	↑ 0.79%	4,656,074
KLF	4.80	4.70	↓ -2.08%	4,348,300
LIG	12.10	13.30	↑ 9.92%	4,323,983

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	54.30	58.10	3.80	↑ 7.00%
PXI	3.58	3.83	0.25	↑ 6.98%
TTE	9.19	9.83	0.64	↑ 6.96%
VIX	18.70	20.00	1.30	↑ 6.95%
TDG	8.19	8.76	0.57	↑ 6.96%

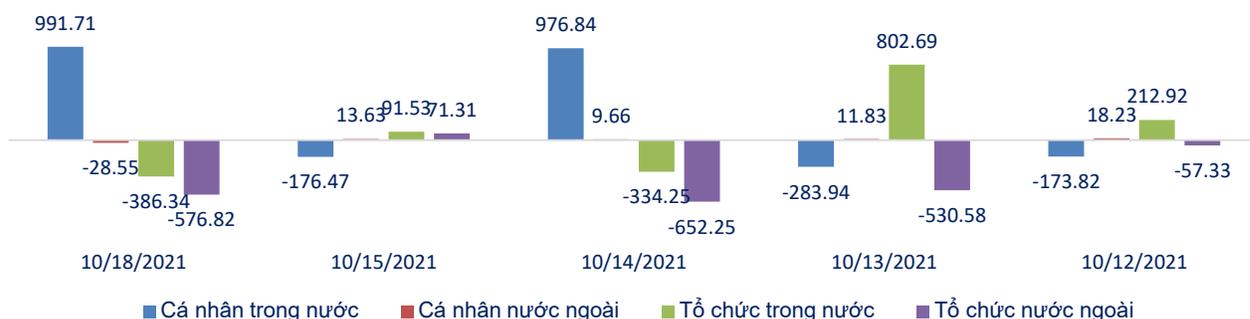
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
PPY	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
PVL	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
VE4	29.10	32.00	2.90	↑ 9.97%
LIG	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	30.35	28.25	-2.10	↓ -6.92%
TDH	11.45	10.70	-0.75	↓ -6.55%
PNC	9.20	8.60	-0.60	↓ -6.52%
DRC	34.20	32.20	-2.00	↓ -5.85%
HAS	13.00	12.35	-0.65	↓ -5.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LCD	20.10	18.10	-2.00	↓ -9.95%
VKC	16.30	14.70	-1.60	↓ -9.82%
KSF	73.30	66.20	-7.10	↓ -9.69%
HPM	11.50	10.40	-1.10	↓ -9.57%
VC6	9.00	8.30	-0.70	↓ -7.78%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	219.34	16.5%	2,061	19.8	2.4
HPG	186.00	39.5%	5,614	10.3	3.5
VND	133.96	34.3%	5,294	10.0	2.4
TDH	122.98	5.3%	1,149	9.3	0.5
GMD	81.13	6.5%	1,461	35.3	2.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-88.45	11.8%	1,902	14.1	1.7
SSB	-79.99	15.3%	1,621	23.0	3.0
MWG	-67.47	27.0%	6,357	20.6	3.4
HAH	-33.18	16.2%	4,345	16.9	2.5
IJC	-32.37	25.8%	3,971	7.7	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	3.98	6.5%	1,461	35.3	2.3
HPG	2.78	39.5%	5,614	10.3	3.5
ROS	2.26	3.1%	326	16.7	0.5
HQC	2.12	0.1%	9	453.1	0.5
ASM	1.92	6.1%	1,635	10.6	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-9.42	9.2%	1,195	25.8	2.4
SKG	-6.61	2.1%	289	67.4	1.5
VHM	-5.19	36.9%	7,775	10.1	2.7
KBC	-4.31	7.1%	1,681	26.1	1.7
NVL	-4.06	12.9%	3,258	31.2	3.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSB	79.99	15.3%	1,621	23.0	3.0
MWG	67.47	27.0%	6,357	20.6	3.4
NLG	40.69	13.2%	3,748	13.2	1.5
IJC	34.85	25.8%	3,971	7.7	2.1
VHM	27.49	36.9%	7,775	10.1	2.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-147.03	34.3%	5,294	10.0	2.4
SSI	-125.97	16.5%	2,061	19.8	2.4
TDH	-122.30	5.3%	1,149	9.3	0.5
VPB	-47.49	22.6%	2,795	13.7	1.6
VSC	-46.31	12.5%	5,035	12.9	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	80.86	11.8%	1,902	14.1	1.7
HAH	50.21	16.2%	4,345	16.9	2.5
FUESSVFL	35.33	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	24.79	9.2%	1,195	25.8	2.4
VHC	24.26	13.5%	3,956	14.4	1.9

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-186.91	39.5%	5,614	10.3	3.5
SSI	-92.24	16.5%	2,061	19.8	2.4
GMD	-84.88	6.5%	1,461	35.3	2.3
KBC	-64.05	7.1%	1,681	26.1	1.7
CTG	-62.43	18.5%	3,414	8.8	1.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	27,271,800	15.4%	2,364	4.9	0.8
HPG	21,470,900	3250.0%	5,614	10.3	3.5
FIT	21,166,400	3.4%	543	24.1	0.8
TDH	19,054,600	5.3%	1,149	9.3	0.5
HQC	18,526,400	0.1%	9	453.1	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,869,879	4.4%	1,187	24.9	1.1
TVC	6,583,247	24.2%	4,109	4.1	0.8
SHS	4,656,074	25.5%	3,227	11.8	1.8
KLF	4,348,300	0.0%	4	1,147.4	0.4
LIG	4,323,983	2.4%	324	41.0	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LGC	↑ 7.0%	7.2%	1,685	34.5	2.4
PXI	↑ 7.0%	-20.3%	(1,667)	-	0.5
TTE	↑ 7.0%	0.1%	8	1,289.6	1.0
VIX	↑ 7.0%	37.3%	4,391	4.6	1.2
TDG	↑ 7.0%	2.5%	293	29.9	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	-8.1%	(1,030)	-	1.8
PPY	↑ 10.0%	19.6%	2,961	5.6	1.1
PVL	↑ 10.0%	1.1%	53	144.5	1.6
VE4	↑ 10.0%	2.9%	415	77.1	2.2
LIG	↑ 9.9%	2.4%	324	41.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,994,500	11.8%	1,902	14.1	1.7
UESSVF	1,730,000	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	722,700	20.5%	2,643	9.7	1.5
PVD	676,600	0.0%	2	14,820.9	0.8
HAH	673,700	16.2%	4,345	16.9	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	349,600	11.0%	3,581	13.0	1.4
CEO	70,000	-3.1%	(411)	-	0.9
NDN	53,400	39.3%	5,275	3.9	1.4
BII	34,800	2.8%	265	58.5	1.5
PSD	32,000	18.7%	2,310	15.1	2.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	356,052	20.6%	5,533	17.4	3.4
VIC	352,363	4.5%	1,600	57.9	2.2
VHM	343,560	36.9%	7,775	10.1	2.7
HPG	258,982	39.5%	5,614	10.3	3.5
GAS	222,975	16.3%	4,178	27.9	4.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,360	33.9%	6,555	35.0	14.1
VCS	21,040	42.1%	10,726	12.3	5.0
KSF	19,860	8.8%	783	84.5	3.3
IDC	18,030	11.3%	1,684	35.7	3.8
BAB	16,494	7.8%	876	25.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.69	22.7%	3,587	17.3	3.5
VDS	2.34	31.0%	3,666	9.8	2.5
IJC	2.23	25.8%	3,971	7.7	2.1
BSI	2.16	17.7%	2,241	14.5	2.4
VIX	2.10	37.3%	4,391	4.6	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBS	3.29	1.2%	140	83.3	1.0
APS	3.28	22.8%	1,923	15.3	2.6
ART	2.93	0.3%	32	313.2	0.9
MBS	2.81	17.0%	1,989	17.0	3.0
PSI	2.60	2.9%	300	43.3	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
